TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ H** **TỈNH HƯNG YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 52/2019/HS-ST
Ngày 26 - 11 - 2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H - TỈNH HƯNG YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Kim Anh.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Vũ Thị Thùy Đông và bà Nguyễn Thị Hệ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hà Đăng Việt - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Hưng Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, tỉnh Hưng Yên tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 11 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Hưng Yên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 59/2019/TLST-HS ngày 13 tháng 11 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 60/2019/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 11 năm 2019 đối với bị cáo:

Trần Văn T - Sinh ngày 22/6/2001.

Nơi cư trú: Thôn L, xã T1, huyện T2, tỉnh Hưng Yên.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 9/12; con ông Trần Văn L2 và bà Nguyễn Thị C; bị cáo có 04 anh chị em, bị cáo là con út. Vợ, con: Chưa có. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa.

- **Người bị hại**: Chị Nguyễn Thị L1, sinh năm 1994 (đã chết)

- Đại diện hợp pháp cho người bị hại:

Ông Nguyễn Văn T3 và bà Phạm Thị B

Địa chỉ: Thôn L, xã T1, huyện T2, tỉnh Hưng Yên.

Anh Ngô Văn K, sinh năm 1988

Địa chỉ: Thôn Đ, xã H1, thành phố H, tỉnh Hưng Yên.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Ông Ngô Văn K1, sinh năm 1961

Địa chỉ: Đội 4, thôn Đ, xã H1, thành phố H, tỉnh Hưng Yên

(Ông T3, bà B, anh K đều ủy quyền tham gia tố tụng cho ông K1)

Ông Trần Văn L2, sinh năm 1958

Địa chỉ: Thôn L, xã T1, huyện T2, tỉnh Hưng Yên.

- Người làm chứng:

Chị Nguyễn Thị H2, sinh năm 1978

Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1957

Đều có địa chỉ: Thôn P, xã P1, thành phố H, tỉnh Hưng Yên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 19 giờ 45 phút ngày 27/5/2019, Trần Văn T điều khiển xe mô tô BKS: 89B1-695.00 đi từ thành phố H về thôn L, xã T1. Khi đến km số 39 + 200 Quốc Lộ 39A thuộc địa phận thôn P, xã P1, thành phố H. Do Thêm không chú ý quan sát, không đảm bảo tốc độ an toàn, đi lấn sang phần đường ngược chiều dẫn đến phần đầu xe của T đâm vào xe mô tô BKS 89B1 - 041.91 do chị Nguyễn Thị L1 điều khiển đang sang đường. Hậu quả chị L1 bị chấn thương sọ não, đa chấn thương phải đi cấp cứu tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Hưng Yên, cùng ngày chị L1 đã tử vong. Xe mô tô của chị L1 bị hư hỏng, thiệt hại 323.000 đồng.

Kết quả khám nghiệm hiện trường: Nơi xảy ra tai nạn là km số 39 + 200 Quốc lộ 39A thuộc địa phận thôn P, xã P1, thành phố H, mặt đường được trải nhựa áp phan bằng phẳng, lòng đường rộng 10 mét, ở giữa là vạch sơn vàng đứt nét. Phía Bắc hiện trường là nhà dân, phía Nam hiện trường là nhà dân và cổng phụ Công ty may K2 lòng đường rộng 4,6 m, phía Đông hiện trường là hướng đi huyện T2, phía Tây hiện trường là hướng đi thành phố H. Quy định lấy cổng phụ Công ty may làm điểm mốc, lấy mép đường bên phải quốc lộ 39 hướng từ thành phố H đi B làm mép đường chuẩn. Từ điểm mốc cách 12,2m về phía thành phố H, 5m về phía lòng đường là hình chiếu vuông góc của điểm đầu vết cày 1, ký hiệu là C1, điểm đầu C1 cách mép đường chuẩn 05m, điểm cuối cách mép đường chuẩn 6,6m, trùng với giá để chân bên phải điều khiển xe mô tô của chị L1. Từ điểm đầu C1 cách 2,66m về hướng T2 là đầu vết cày 2. Ký hiệu C1. Điểm đầu C2 cách mép đường chuẩn 5,9m, điểm cuối cách mép đường chuẩn 7,2 m trùng với tay phanh bên phải xe của chị L1. Từ điểm đầu C2 cách 1,6 m hướng T2 là vết cày 3, ký hiệu C3, điểm đầu cách đường chuẩn 4,7 m, điểm cuối cách mép đường chuẩn 3,5m và trùng với vết cày 4 ký hiệu C4. Điểm đầu C4 cách mép đường chuẩn 3,5m, điểm cuối cách mép đường chuẩn 3,3m trùng với giá để chân bên phải người điều khiển xe của bị cáo. Xe của bị cáo và bị hại đều đổ phải, đầu hướng thành phố H, đuôi hướng T2. Tâm trục bánh trước xe của bị cáo cách mép đường chuẩn 5m, bị hại cách 6,9 m. Tâm trục bánh sau xe bị cáo cách mép đường chuẩn 5,7m, xe của bị hại cách 6,3m. Từ tâm trục bánh sau xe bị hại cách 2,6m về hướng T2 là vết máu.

Tại Bản kết luận giám định pháp y tử thi số 110/PC09 ngày 03/6/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Hưng Yên kết luận: Nguyên nhân chết của chị L1 do chấn thương sọ não, vỡ xương hộp sọ, trên người đa chấn thương. Thể loại chết: Không tự nhiên.

Tại công văn số 1406 ngày 23/7/2019, Sở Giao thông Vận tải tỉnh Hưng Yên xác định: Không có thông tin về người và Giấy phép lái xe cấp cho bị cáo T.

Vật chứng thu giữ: 01 xe mô tô Honda Winer BKS: 89B1-695.00, 01 xe mô tô Suzuki Smash màu đỏ BKS 89B1 - 041.91 và một số giấy tờ khác. 02 đoạn Video ghi hình ảnh vụ tai nạn. Ngày 26/7/2019, Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an thành phố H đã trả lại toàn bộ vật chứng là xe máy, các giấy tờ cho gia đình bị cáo, bị hại.

Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã tác động nhờ bố là Trần Văn L2 bồi thường cho gia đình bị hại 170.000.000đ, ông Ngô Văn K1, đại diện cho gia đình bị hại nhận đủ, không yêu cầu bồi thường gì thêm. Có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

Bản cáo trạng số 58/CT-VKSTPH ngày 13 tháng 11 năm 2019, Viện kiểm sát nhân dân thành phố H truy tố bị cáo Trần Văn T về tội danh "Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ" theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 206 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa: bị cáo thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội, xin lỗi gia đình bị hại. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được cải tạo tại địa phương để bị cáo có điều kiện lao động, chăm lo cho gia đình.

Đại diện cho người bị hại là ông Ngô Văn K1 không yêu cầu bồi thường gì thêm. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ cho bị cáo nhưng phải theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H trình bày luận tội: Đề nghị HĐXX căn cứ Điều 50; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 91; Điều 65; điểm a khoản 2 Điều 260 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Khoản 2 Điều 136; Điều 331, Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo từ 02 năm đến 02 năm 03 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách từ 40 đến 46 tháng. Giao bị cáo Trần Văn T cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Nếu bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo khoản 1 Điều 69 Luật Thi hành án hình sự. Bị cáp phải chị án phí theo quy định.

Về trách nhiệm dân sự và vật chứng: Đã giải quyết xong nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên Công an thành phố H; Viện kiểm sát nhân dân và Kiểm sát viên Viện kiểm sát

nhân dân thành phố H trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc có khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung:

Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa hôm nay phù hợp với các lời khai tại cơ quan điều tra, lời khai của người làm chứng, trích xuất tại camera của nhà chị H2, cùng toàn bộ những chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án cũng như vật chứng thu giữ được. Đã có đủ cơ sở để xác định: Khoảng 19 giờ 45 phút ngày 27/5/2019, Trần Văn T không có giấy phép lái xe, điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Winer BKS: 89B1-695.00 đi từ thành phố H về thôn L, xã T1. Khi đến km số 39 + 200 Quốc lộ 39A thuộc địa phận thôn P, xã P1, thành phố H. Do T không chú ý quan sát, không đảm bảo tốc độ an toàn, đi lấn sang phần đường ngược chiều dẫn đến phần đầu xe của T đâm vào xe mô tô BKS 89B1 - 041.91 do chị Nguyễn Thị L1 điều khiển đang sang đường. Hậu quả chị L1 bị chấn thương sọ não, đa chấn thương phải đi cấp cứu tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Hưng Yên, cùng ngày chị L1 đã tử vong. Xe mô tô của chị L1 bị hư hỏng, thiệt hại 323.000 đồng.

Bị cáo tham gia giao thông không có giấy phép lái xe theo quy định, không chú ý quan sát, không đảm bảo tốc độ an toàn, đi lấn sang phần đường ngược chiều dẫn đến tai nạn khiến chị L1 tử vong đã vi phạm quy định tại khoản 9 Điều 8, khoản 2 Điều 14 Luật Giao thông đường bộ. Chính vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân thành phố H truy tố bị cáo về tội "Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ" với tình tiết định khung "Không có giấy phép lái xe theo quy định" theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 260 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 là đúng quy định của pháp luật, không bị oan sai.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm đến trật tự an toàn giao thông đường bộ mà còn xâm phạm đến sức khoẻ, tính mạng, tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Gây tâm lý hoang mang lo lắng cho mọi người khi tham gia giao thông. Chính vì vậy cần áp dụng hình phạt tương xứng với hành vi mà bị cáo gây ra mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[3.1] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

[3.2] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Bản thân bị cáo đã tác động để bố đẻ tự nguyện bồi thường cho người bị hại. Tại giai đoạn điều tra, đại diện người bị hại có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Tại phiên tòa hôm nay

đại diện cho người bị hại đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật. Đó là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự sẽ được HĐXX áp dụng khi quyết định hình phạt đối với bị cáo. Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, phạm tội khi chưa đủ 18 tuổi, vì vậy cần áp dụng các quy định của pháp luật đối với người dưới 18 tuổi phạm tội và Điều 54 Bộ luật hình sự để quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt đối với bị cáo.

Xét thấy, bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, lần đầu phạm tội. Hiện tại mẹ bị cáo mắc bệnh ung thư gan giai đoạn cuối đang nằm điều trị tại bệnh viện, gia đình có hoàn cảnh khó khăn, địa phương đang đề nghị xét duyệt hộ cận nghèo. Bị cáo là lao động chính trong gia đình. Chính vì vậy, không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà cho bị cáo được cải tạo dưới sự giám sát của gia đình và chính quyền địa phương như quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H tại phiên tòa là có căn cứ, đủ tác dụng răn đe giáo dục bị cáo trở thành người tốt, đồng thời thể hiện tính khoan hồng của pháp luật. Tạo điều kiện cho bị cáo có thời gian chăm lo cho gia đình cũng như chăm lo cho phía gia đình người bị hại.

[4] Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng:

Đã được giải quyết xong, vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 50; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 91; Điều 65; điểm a khoản 2 Điều 260 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Khoản 2 Điều 136; Điều 331, Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015. Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên bố: bị cáo Trần Văn T phạm tội "Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ".

Xử phạt: bị cáo Trần Văn T 02 (hai) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 04 (bốn) năm, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Trần Văn T cho Ủy ban nhân dân xã T1, huyện T2, tỉnh Hưng Yên để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Nếu bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định

của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án này.

Về án phí: bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo; người đại diện hợp pháp của bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Hưng Yên;
- VKSND thành phố H;
- Công an thành phố H;
- Bị cáo;
- Đại diện người bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Cơ quan THADS thành phố H;
- Lưu HS án phạt nhân thân;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Vũ Thị Kim Anh